

Số: 2649/QĐ-UBND

Đak Đoa, ngày 26 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả tuyển dụng
kỳ xét tuyển công chức cấp xã năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, quy định chi tiết một số điều, khoản, điểm và biện pháp thi hành Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định quản lý công tác nội vụ thuộc tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Hội đồng xét tuyển công chức cấp xã năm 2022 tại Tờ trình số 29/TTr-HĐXT ngày 20/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả tuyển dụng kỳ xét tuyển công chức cấp xã năm 2022, gồm 20 thí sinh trúng tuyển (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Giao Hội đồng xét tuyển công chức cấp xã năm 2022 thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển để hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Ban Giám sát;
- Thành viên HĐXT;
- Ban kiểm tra, sát hạch;
- Lưu: VT, UB, NV.

CHỦ TỊCH

Phạm Minh Trung

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND huyện Đak Doa)

STT	Số báo danh	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)		Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Hệ khẩu thường trú		Trình độ văn hóa	Trình độ đào tạo các mặt				Hình thức đào tạo chuyên môn	Trường đào tạo chuyên môn	Xếp hạng tốt nghiệp	Đối tượng ưu tiên cao nhất	Vị trí dự tuyển	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ	Tỉnh Gia Lai	Tỉnh khác	Trình độ văn hóa khác	Trình độ chuyên môn	Ngại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác (nếu có)	Chinh quy	Đại học Tây nguyên	Khả	20	21	77	77	77	77	77	77	77	77
1	ĐCXD0501	Bích	16/8/1990	Kinh	Cát Nhom, Phú Cát, Bình Định	TT Đak Doa, Đak Doa, Gia Lai	12/12	Đại học	Kỹ Sư Quản lý Đất đai	Anh B	A	Chứng chỉ tiếng Anh B	Chinh quy	Đại học Tây nguyên	Khả	77	77	77	77	77	77	77	77
2	TPHT0401	Chinh	14/2/1989	Kinh	Mỹ Chánh, Phú Mỹ, Bình Định	La Pết, Đak Doa, Gia Lai	12/12	Trung cấp	Luật	Anh B	CB	Chứng chỉ tiếng Anh B	Chinh quy	Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Kon Tum	Trung bình	Khả	54	54	54	54	54	54	54
3	TCKT0201	Dương	6/12/1990	Kinh	Mỹ Hiệp, Phú Mỹ, Bình Định	TT Đak Doa, Đak Doa, Gia Lai	12/12	Đại học	Cử nhân Kế Toán - Kiểm toán	Anh B	CB	Chinh quy	Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG TPHCM	Khả	69	69	69	69	69	69	69	69	69
4	VPTK0104	Hà	28/8/1993	Kinh	Hoàng Phương, Hoàng Hòa, Thanh Hóa	Đak Krong, Đak Doa, Gia Lai	12/12	Đại học	Cử nhân Văn học	Anh B	CB	Chinh quy	Đại học Quy Nhơn	Khả	74	74	74	74	74	74	74	74	74
5	VHXH0302	Hiền	14/11/1990	Kinh	Đồng Khê, Đông Sơn, Thanh Hóa	KDang, Đak Doa, Gia Lai	12/12	Đại học	Cử nhân Xã hội học	Anh B	B	Chinh quy	Đại học Mỏ TP. HCM	Khả	72	72	72	72	72	72	72	72	72

STT	Số báo danh	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quốc quán	Hệ khẩu thường trú		Trình độ văn hóa	Trình độ đào tạo các mặt				Hình thức đào tạo chuyên môn	Trường đào tạo chuyên môn	Xếp hạng tốt nghiệp	Đối tượng ưu tiên cao nhất	Vị trí dự tuyển	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Chú chú
			Nam	Nữ			Tỉnh Gia Lai	Tỉnh khác		Trình độ Văn bằng	Chuyên môn	Ngôn ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác (nếu có)								
6	VPTK0107	Ninh		28/8/1999	Kinh	Hải Giang, Hải Hậu, Nam Định	Kon Dong, Mang Yang, Gia Lai		12/12	Đại học	Cử nhân Luật Kinh tế	TOEIC	CB		Chính quy	Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Khá	Văn phòng - Thống kê xã Dak Somei	86		86	
7	TCKT0202	Nguyễn Hữu Lâm	18/11/1989		Kinh	Nghĩa Phương, Thuận Nghĩa, Quảng Ngãi	TT Dak Doa, Dak Doa, Gia Lai		12/12	Đại học	Cử nhân Kế toán	Toeic 585	A		Chính quy	Đại học Đà Lạt	Trung bình	Tài chính - Kế toán xã Ia Pết	81.5		81.5	
8	TPHT0404	Y Mỹ		17/11/1995	Trang	Dak Nong, Ngọc Hồi, Kon Tum	TT Dak Doa, Dak Doa, Gia Lai		12/12	Đại học	Cử nhân Luật		A		Vừa làm vừa học liên thông	Đại học Luật, Đại học Huế	Khá	Tư pháp - Hộ tịch xã Dak Somei	59		64	
9	VHXH0303	Mai		5/7/1989	Jrai	Hà Bàu, Dak Doa, Gia Lai	Thị trấn Dak Doa, Dak Doa, Gia Lai		12/12	Đại học	Quản lý Văn hóa		CB		Vừa làm vừa học	Đại học Văn hóa TPHCM	Trung bình khá	Văn hóa - Xã hội xã Dak Somei (Phụ trách LV Văn hóa)	65.5		70.5	
10	VHXH0304	Nguyễn Thị Miên		14/5/1984	Kinh	An Ấp, Quỳnh Phú, Thái Bình	TT Dak Doa, Dak Doa, Gia Lai		12/12	Đại học	Cử nhân Tâm lý học	Anh B	CB	Trung cấp LLCT	Chính quy	Đại học KHXH và NV, Đại học Quốc Gia Hà Nội	Khá	Văn hóa - Xã hội xã HNeng (Phụ trách LV Xã Hội)	66.5	2.5	69	
11	VPTK0109	Lê Thị Diễm My		4/1/1987	Kinh	Nhon Mỹ, An Nhơn, Bình Định	TT Dak Doa, Dak Doa, Gia Lai		12/12	Đại học	Cử nhân Giáo dục Chính trị		CB	DTTS Bahuar	Chính quy	Đại học Tây Nguyên	Khá	Văn phòng - Thống kê xã Trang	98		98	

STT	Số báo danh	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quốc quán	Hộ khẩu thường trú		Trình độ văn hóa	Trình độ đào tạo các mặt					Hình thức đào tạo chuyên môn	Trường đào tạo chuyên môn	Xếp hạng tốt nghiệp	Đối tượng ưu tiên cao nhất	Vị trí dự tuyển	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Tỉnh Gia Lai	Tỉnh khác		Trình độ Văn bằng	Chuyên môn	Ngôn ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác (nếu có)									
12	VPTK0111	Nã		1/1/1991	Bahnar	Hà Đông, Đak Đoa, Gia Lai			12/12	Trung cấp	Luật				Vừa làm vừa học	Trường cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Kon Tum	Trung bình khá	Người dân tộc thiểu số	Văn phòng - thống kê xã Hà Đông	84	5	89	
13	TCKT0203	Đặng Thủy Ngân		25/3/1989	Kinh	Nhom Hạnh, An Nhơn, Bình Định	TT Đak Đoa, Đak Đoa, Gia Lai		12/12	Đại học	Cử nhân Kế toán	B			Vừa làm, vừa học	Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	Trung bình khá	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã từ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ	Tài chính - Kế toán xã KĐang	71	2.5	73.5	
14	VHXH0305	Thai		22/7/1998	Bahnar	KĐang, Đak Đoa, Gia Lai			12/12	Đại học	Cử nhân Quản lý nhà nước	CB			Chính quy	Đại học Quy nhơn	Khá	Người dân tộc thiểu số	Văn hóa - Xã hội xã ADok (Phụ trách LV Văn hóa)	75.5	5	80.5	
15	VPTK0113	Giang Siu Khả Kim Thoa		13/6/1997	Bahnar	Kon Chieng, Mang Yang, Gia Lai	TT Đak Đoa, Đak Đoa, Gia Lai		12/12	Đại học	Đại học Quản lý nhà nước	A			Chính quy	Học viện hành chính Quốc Gia	Trung bình khá	Người dân tộc thiểu số	Văn phòng - Thống kê xã HNeng	88	5	93	
16	VHXH0306	Thông Đổng Văn	02/9/1995		Kinh	Hải Chinh, Hải Hậu, Nam Định	Hải Yang, Đak Đoa, Gia Lai		12/12	Đại học	Cử nhân Xã hội học	CB			Chính quy	Đại học Đà Lạt	Khá		Văn hóa - xã hội xã Hải Yang (Phụ trách LV xã hội)	84		84	
17	VHXH0307	Nguyễn Thị Thu		28/8/1993	Kinh	Hoàng Phương, Hoàng Hòa, Thanh Hóa	la Ko, Chư sê, Gia Lai		12/12	Đại học	Cử nhân Công tác xã hội				Chính quy	Đại học Quy Nhơn	Khá		Văn hóa - Xã hội xã Ia Bàng (Phụ trách LV xã hội)	67		67	

STT	Số báo danh	Họ và tên (Xếp tên theo cột riêng)	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu thường trú		Trình độ văn hóa	Trình độ đào tạo các mặt					Hình thức đào tạo chuyên môn	Trường đào tạo chuyên môn	Xếp hạng tốt nghiệp	Đối tượng ưu tiên cao nhất	Vị trí dự tuyển	Điểm phỏng vấn vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
							Tỉnh Gia Lai	Tỉnh khác		Trình độ Văn bằng	Chuyên môn	Ngại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác (nếu có)									
18	TCKT0205	Trần Thị	Toán		Kinh	Tân Hội, Đan Phượng, TP Hà Nội			12/12	Đại học	Cử nhân Kế toán	Anh C	B	Chứng chỉ Jrai	Chính quy	Đại học Tài chính - Kế toán	Giỏi		Tài chính - Kế toán xã Hải Yang	56		56	
19	ĐCXĐ0510	Phạm Hải	Triều	16/4/1987	Kinh	Khánh Công, Yên Khánh, Ninh Bình	TT Đak Đoa, Đak Đoa, Gia Lai		12/12	Đại học	Kỹ Sư Quản lý Đất đai		CB		Chính quy	Đại học Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh	Trung bình khá	Quản nhân	Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường xã Trang (phụ trách LV địa chính, xây dựng, môi trường)	77.5	2.5	80	
20	VHXH0309	Yoi		03/8/1992	Jrai	Hà Bấu, Đak Đoa, Gia Lai	Hà Bấu, Đak Đoa, Gia Lai		12/12	Đại học	Cử nhân hành chính	Anh B	B		Chính quy	Đại học Quy Nhơn	Khá	Người dân tộc thiểu số	Văn hóa - Xã hội xã Kon Gang (Phụ trách LV Văn hóa)	65	5	70	